

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 828 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Minh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thư là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhA dA thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 426/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 113/2019/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 của TAND thành phố Q, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Công T, sinh năm 1978

Cư trú: Tổ 4, khu vực 5, phường X, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bị đơn: Chị Bùi Thị A, sinh năm 1978

Cư trú: Tổ 4, khu vực 5, phường X, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phan Công T trình bày: Anh và chị Bùi Thị A tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn ngày 02/3/2017 tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn anh và chị A chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng thường xuyên có sự bất hòa, không có tiếng nói chung. Từ tháng 6 năm 2017 đến nay anh và chị A đã sống ly thân, không còn có sự quan tâm và trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, giữa vợ chồng không duy trì được cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị A.*

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị A không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn chị Bùi Thị A đã được Toà triệu tập họp lệ nhiều lần đến Toà để khai báo, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà nhưng chị A không đến Toà làm việc. Tòa án đã tiến hành các thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị A không chấp hành nên Tòa không lấy được lời khai của chị A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm . Tại phiên tòa sơ thẩm , Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng nhưng bị đơn vi phạm các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Công T được ly hôn chị Bùi Thị A.

- Về án phí: Dương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Tổ 4, khu vực 5, phường X, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Bùi Thị A vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Công T và chị Bùi Thị A tự nguyện kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn ngày 02/3/2017 tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Ninh nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà cha mẹ chồng Tổ 4, khu vực 5, phường X, thành phố Q, tỉnh Bình Định nhưng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chỉ chung sống được 03 tháng thì ly thân. Từ đó đến nay giữa anh và chị A không có bất cứ sự liên lạc nào, giữa vợ chồng không có sự quan tâm và trách nhiệm với nhau nên tình cảm không còn. Tại phiên tòa hôm nay anh T yêu cầu ly hôn với chị A nhưng chị A không đến Tòa tham gia tố tụng. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị A và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, giữa vợ chồng không duy trì được cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn với chị

A là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh T và chị A không có con chung, anh T không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản: Anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí HNGĐST: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, anh Phan Công T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Công T được ly hôn chị Bùi Thị A.

2. Về con chung: Anh Phan Công T và chị Bùi Thị A không có con chung, HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Phan Công T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này một hoặc hai bên có tranh chấp về tài sản chung thì tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Phan Công T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001386 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Anh T đã nộp đủ án phí HNGĐST.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND thành phố Q
- Lưu HS

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Minh Dũng

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Chính

Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Phan minh Dũng

\

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- UBND xã Quế TA, h. Quế Võ,
Tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Chính

Trần Ngọc Hòa

Lê Thị Ngọc Dung

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Q;
- Chi cục THADS TP. Q;
- UBND P. Quang Trung, TP. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Dung

**TÒA ÁN NHA DÀ
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Q, ngày 15 tháng 02 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 20 phút, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Tại phòng nghị án Tòa án nhA dA thành phố Q, T. Bình Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà *Lê Thị Ngọc Dung*
- Các Hội thẩm nhA dA : 1. Bà *Cao Thị Chính*
2. Ông *Trần Ngọc Hòa*

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhA gia đình thụ lý số 1181/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Tuyết, sinh năm 1968; cư trú tại: Tổ 21, khu vực 3, phường Quang Trung, thành phố Q, tỉnh Bình Định (*có mặt*).

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Mạnh Dũng, sinh năm 1986; cư trú tại: 21, khu vực 3, phường Quang Trung, thành phố Q, tỉnh Bình Định (*vắng mặt*).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dA sự;
Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhA và gia đình;
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Biểu quyết, quyết định 3/3:

1. Về hôn nhA: Cho bà Trương Thị Tuyết được ly hôn ông Đỗ Mạnh Dũng.

Biểu quyết, quyết định 3/3:

2. Về con chung: Bà Tuyết và ông Dũng có hai con chung tên là Đỗ Trương VA Anh, sinh ngày 25/3/1991 và Đỗ Trương Tuấn Vũ, sinh ngày 25/3/1993. Hiện sức khỏe các con bình thường và đã trưởng thành. Bà Tuyết không yêu cầu về con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Biểu quyết, quyết định 3/3:

3. Về tài sản chung: Bà Tuyết không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Biểu quyết, quyết định 3/3:

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Tuyết phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000634 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Bà Tuyết đã nộp đủ án phí HNGĐST.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Tuyết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Mạnh Dũng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Chính

Trần Ngọc Hòa

Lê Thị Ngọc Dung

